TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **107**/2023/QĐST- HNGĐ	*H, ngày 21 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 172/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Bích T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Cao Văn D, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hành Chính sách xã hội Việt Nam

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, khu Bán Đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàn Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trịnh Thị Bích H – Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H thuộc chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bình Phước

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị Bích T và anh Cao Văn D; giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 14/4/2000 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện

B (nay là xã T, huyện H) tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Bích T và anh Cao Văn Dg thuận tình ly hôn.

Về con chung: Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Anh Cao Văn D có trách nhiệm trả cho Ngân hành Chính sách xã hội Việt Nam số tiền nợ gốc là 25.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng (sổ vay vốn) với mã món vay 6600000712373541 kể từ ngày 11/8/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí sơ thẩm: Chị Hoàng Thị Bích T tự nguyện chịu 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chi cục thi hành án dân sự huyện H hoàn trả cho chị Hoàng Thị Bích T số tiền tạm ứng án phí còn lại 150.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014613 ngày 06/6/2023.

Anh Cao Văn D tự nguyện chịu số tiền án phí dân sự có giá ngạch là 625.000đ (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS nhân dân huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H
- Nơi cấp GCNKH
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Minh Hải